

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HS-ST

Ngày 01 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Liêm

Ông Kim Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Võ Chí T (tên gọi khác: T B), sinh năm 1988, tại Chợ Mới, An Giang; Nơi cư trú: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, Hậu Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn L và bà Nguyễn Thị Kim Ê (chết); chưa có vợ con; tiền án: Ngày 29/9/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 30/8/2010; Ngày 25/5/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 30/3/2018; tiền sự: không; Về nhân thân: Ngày 14/10/2005, bị Ủy ban nhân dân thị xã Vị Thanh (nay là thành phố Vị Thanh), tỉnh Hậu Giang ra Quyết định số 3616/QĐ-UBND đưa vào Trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng; Ngày 16/6/2011, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ra Quyết định số 991/QĐ-UBND đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 31/3/2013; Ngày 25/12/2013, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ra Quyết định số 2108/QĐ-UBND đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 27/12/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 02/4/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Võ Thanh Đ, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: khu vực A, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang;
Vắng mặt

Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị L. Vắng mặt

2. Ông Lê Văn X. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 4 giờ ngày 09/01/2019, Võ Chí T sau khi nhậu xong đi về ngang qua nhà ông Võ Thanh Đ thấy nhà không đóng cửa và có mở đèn nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khi vào nhà, T thấy ông Đ đang ngủ nên T lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model RM-1040, màu trắng, màn hình cảm ứng, bị nứt màn hình, đang sạc pin và bỏ đi ra. Nghe thấy tiếng động nên ông Đ thức giấc và phát hiện có người vào nhà nên tri hô “ăn trộm, ăn trộm”. T bỏ chạy, ông Đ đuổi theo, T nhặt lấy khúc cây ven đường để dọa nên ông Đ không đuổi theo nữa. Sau đó, ông Đ đến Công an phường VII để trình báo sự việc.

Sau khi lấy trộm điện thoại, T đến nhà ông Lê Văn X để bán điện thoại với giá 500.000 đồng nhưng ông X không mua. Đến chiều cùng ngày, T tiếp tục đến nhà ông X bán điện thoại với giá 200.000 đồng nhưng ông X cũng không mua nên T bỏ điện thoại và đi về. Khoảng 30 phút sau, T quay lại cùng với bà Phạm Thị L (là mẹ của Đ) để kêu ông X đưa lại điện thoại trả cho bà L nhưng ông X để điện thoại ở nhà bà Lê Thị B (chị ruột ông X). Đến ngày hôm sau, ông X trả lại chiếc điện thoại cho bà Phạm Thị L.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, model RM-1040, màu trắng đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng, máy bị nứt mặt kính phía trên bên trái, không kiểm tra tình trạng bên trong (BL 73).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/BKLDGTS ngày 01/03/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Vị Thanh xác định giá trị tài sản của 01 chiếc điện thoại di động tại thời điểm xảy ra vụ trộm cắp là 1.356.000 đồng. (BL 31).

Tại Bản cáo trạng số 21/CT-VKS-TPVT ngày 19/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Võ Chí T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Ngày 26/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Vị Thanh đã trả lại vật chứng cho ông Đ theo Quyết định xử lý vật chứng số 10 ngày 19/4/2019 (BL 76).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát thay đổi một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Võ Chí T, cụ thể rút lại đề nghị tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Võ Chí T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù
Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Võ Chí T thừa nhận toàn bộ hành vi mà mình phạm tội và xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông Võ Thanh Đ: Vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố Vị Thanh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị hại ông Võ Thanh Đ, người làm chứng bà Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Xét, việc vắng mặt của người tham gia tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào quy định tại Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Chí T thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện như cáo trạng đã truy tố. Xét lời trình bày của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác nên có đủ cơ sở để khẳng định: Bị cáo Võ Chí T là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Khoảng 4 giờ ngày 09/01/2019, bị cáo Võ Chí T lấy trộm của bị hại Võ Thanh Đ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, model RM-

1040, màu trắng đã qua sử dụng. Theo kết quả định giá tài sản, điện thoại có trị giá là 1.356.000 đồng. Tuy giá trị tài sản chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng trước đó, vào ngày 25/5/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội Thanh xử phạt 24 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án hình sự sơ thẩm số 21/2016/HSST, bị cáo đã chấp hành xong vào ngày 30/3/2018. Do đó, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa được xóa án tích. Bị cáo biết rõ việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi trộm cắp khi chưa được xóa án tích nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét tính nguy hiểm của hành vi

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất liều lĩnh, bất chấp sự phát hiện của chủ sở hữu. Do đó, cần có mức án tương xứng mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích. Qua đó, giúp ngăn ngừa và đề phòng tội phạm chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Võ Chí T có hai tiền án đều về tội trộm cắp tài sản, sau khi ra tù, bị cáo chưa được xóa án tích mà còn trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng nên hai tiền án của bị cáo được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm “*đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*” để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2, Điều 52 Bộ luật hình sự quy định: “*Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng*” và hướng dẫn tại mục 7 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự, tình tiết nêu trên là dấu hiệu định tội nên không coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Võ Chí T, tức là không tính để xác định là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút lại đề nghị tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm đối với bị cáo Võ Chí T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nên áp dụng cho bị cáo tình tiết thành giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Xét về nhân thân:

Bị cáo Võ Chí T có nhân thân không tốt, đã 01 lần bị Ủy ban nhân dân thị xã Vị Thanh (nay là thành phố Vị Thanh) ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng; 02 lần bị Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng; 02 lần bị xét xử hình sự về cùng tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong bị cáo chưa được xóa án tích mà còn lại tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém, bị cáo không có khả năng tự cải tạo, giáo dục. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, mức hình phạt tù mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng trong vụ án:

Đối với vật chứng là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, model RM-1040, màu trắng đã qua sử dụng, màn hình cảm ứng, máy bị nứt mặt kính phía trên bên trái đã được xử lý theo Quyết định xử lý vật chứng số 10 ngày 19/4/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Vị Thanh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Võ Thanh Đ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Võ Chí T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Chí T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam là ngày 02 tháng 4 năm 2019.

Áp dụng: Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự; Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Chí T 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án. Thời gian tạm giam tính từ ngày tuyên án ngày 01/8/2019.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Võ Chí T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. Vị Thanh;
- CCTHADS TP. Vị Thanh;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Vị Thanh;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Vị Thanh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND Phường VII;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Tình

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e

khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)